

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 7 NĂM 2021

Tình hình đại dịch Covid-19 trong nước tháng 7 năm 2021, diễn biến hết sức phức tạp, lây lan trên diện rộng ở hầu hết các tỉnh thành phía Nam, số ca lây nhiễm luôn ở mức 4 con số. Tây Ninh những ngày qua, tình hình dịch Covid-19 đang ở mức có nguy cơ rất cao, đã và đang xuất hiện các ca lây nhiễm, ổ dịch trong cộng đồng chưa rõ nguồn lây. Thực hiện công văn số 969/TTg-KGVX, ngày 17/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; để kịp thời khoanh vùng, dập dịch, khống chế sự lây lan trên diện rộng, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, tỉnh đã thực hiện giãn cách xã hội trên phạm vi toàn tỉnh 14 ngày theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ kể từ ngày 18/7/2021.

Với tinh thần thực hiện nghiêm túc, quyết liệt hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch, quán triệt quan điểm “chống dịch như chống giặc”, huy động cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong công tác phòng chống dịch Covid-19. Tạm đình chỉ hoạt động các cơ sở kinh doanh không thiết yếu, các hoạt động kinh doanh thiết yếu được hoạt động nhưng phải thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19... để đạt được mục tiêu kép vừa chống dịch vừa phát triển sản xuất

Những nỗ lực của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh Tây Ninh với tinh thần được quán triệt “*sản xuất để phòng, chống dịch và chống dịch để sản xuất*”, kinh tế- xã hội của tỉnh, tháng này và 7 tháng đầu năm đã đạt được những kết quả chủ yếu trên từng lĩnh vực như sau:

### 1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

#### 1.1 Nông nghiệp:

##### a) Trồng trọt:

Tình hình thời tiết tháng này tương đối thuận lợi, sâu bệnh gây hại cây trồng cũng ít, chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ. Tiến độ gieo trồng vụ hè thu đến ngày 15/7/2021 duy trì ổn định, xấp xỉ như cùng kỳ, cụ thể như sau:

Thực hiện cùng kỳ năm trước (ha)	Thực hiện kỳ báo cáo (ha)	Số cùng kỳ (%)
----------------------------------	---------------------------	----------------

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (ha)	Thực hiện kỳ báo cáo (ha)	So cùng kỳ (%)
<b>Gieo trồng hè thu một số cây trồng chính:</b>			
- Cây lúa	49.151	49.015	99,72
- Ngô	3.803	4.048	106,48
- Mì (cây sắn)	51.583	47.086	91,28
- Mía (trồng mới)	1.394	1.033	74,10
- Đậu phộng (cây lạc)	3.356	3.258	97,08
- Rau, đậu, hoa cây cảnh các loại	19.081	17.902	93,82

*Cây lúa*, gieo trồng 49.015 ha, giảm 0,28% (-136 ha) so cùng kỳ. Một số diện tích giảm do chuyển sang trồng mì. Hiện đã thu hoạch được 2.209 ha, tiến độ nhanh hơn cùng kỳ (+12,17%), chủ yếu ở khu vực ven sông Vàm Cỏ, người dân xuống giống sớm nhằm thu hoạch sớm tránh ngập.

*Cây ngô (bắp)* 4.048 ha, so cùng kỳ tăng 6,45% (+245,15 ha), chủ yếu ở thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu và huyện Bến Cầu, đa số là diện tích hợp đồng với các công ty thức ăn gia súc như: bắp Thái Lan, Ấn Độ, Syngenta.

*Cây đậu phộng (cây lạc)*: 3.258 ha, so cùng kỳ giảm 2,92% (-97,9 ha), nguyên nhân do tình trạng khan hiếm lao động nông nghiệp, nên người dân chuyển sang những loại cây trồng khác.

*Các loại cây rau, đậu, hoa, cây cảnh* 17.902 ha, giảm 6,18% (-1.179 ha) so cùng kỳ, nguyên nhân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 giá cả nhiều loại rau giảm, không ổn định, khó tiêu thụ khi nhiều nơi thực hiện giãn cách xã hội. Người dân chuyển đổi cây trồng.

### **b) Chăn nuôi:**

Trong tháng, tình hình giá cả một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu, duy trì ổn định, hầu hết các sản phẩm chăn nuôi đều có lợi nhuận, dự báo tình hình chăn nuôi trên địa bàn sẽ duy trì phát triển.

Số lượng chăn nuôi gia súc gia cầm từng loại hiện nay như sau:

#### **Số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm**

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2020	Ước thực hiện kỳ báo cáo	So sánh cùng kỳ (%)
<b>I. Gia súc</b>				
1. Trâu	con	10,051	9,730	96.81
2. Bò	con	94,031	95,298	101.35
Trong đó: Bò sữa	con	13,420	13,650	101.71
3. Lợn	con	194,547	183,853	94.50

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2020	Ước thực hiện kỳ báo cáo	So sánh cùng kỳ (%)
Trong đó: Lợn thịt	con	165,629	158,722	95.83
<b>II. Gia cầm</b>	<b>1000 con</b>	<b>8,928.03</b>	<b>9,777.49</b>	<b>109.51</b>
Trong đó: Gà	1000 con	8,322.19	9,270.22	111.39

Tình hình đàn gia súc, dự báo đến ngày 15/7, như sau:

Đàn trâu: 9.730 con, giảm 3,19% (-321 con) so cùng kỳ. Sản lượng thịt xuất chuồng đạt 155 tấn, giảm 9,35% (-16 tấn) so cùng kỳ, nguyên nhân do tổng đàn giảm.

Đàn bò: 95.298 con, tăng 1,35% (+1.267 con) so cùng kỳ, nguyên nhân do một số hộ chuyển từ nuôi trâu sang bò, bên cạnh đó còn do đàn bò sữa tăng 1,71% (*chủ yếu ở Thị xã Trảng Bàng và huyện Bến Cầu*). Sản lượng xuất chuồng lũy kế đạt 1.695 tấn tăng 2,85% (+47,0 tấn) so cùng kỳ. Sản lượng sữa tươi ước đạt 22.246 tấn, tăng 4,25% (+1.029 tấn) so cùng kỳ nhờ số lượng đàn bò sữa tăng tại Trang trại Vinamilk tại huyện Bến Cầu và đàn bò sữa trong dân được duy trì.

Đàn lợn: 158.722 con, giảm 4,17% (-6.907 con) so cùng kỳ, do số hộ nuôi qui mô vừa giảm mạnh trong kỳ 01/4/2021 (*quy mô 30-100 con giảm 41 hộ, 100-300 con giảm 3 hộ, trên 300 con giảm 01 hộ*) nên tổng đàn lợn giảm so với cùng kỳ. Một số trang trại nuôi heo có quy mô lớn, nhưng không thực hiện tốt các biện pháp bảo đảm môi trường, không có giấy phép của ngành chức năng ở huyện Dương Minh Châu đang bị xử lý nên số con và sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đến ngày 15/7 đạt 22.555 tấn, giảm 2,59% (-600tấn) so với cùng kỳ.

Đàn gia cầm hiện có 9,78 triệu con, tăng 9,51% so cùng kỳ. Trong đó đàn gà có 9,27 triệu tăng 11,39%, tăng mạnh do những tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh có tăng năng lực mới từ các huyện Tân Biên, Dương Minh Châu, Tân Châu (*1 công ty của Hàn Quốc với quy mô 150.000 con gà để trứng CN ở huyện Dương Minh Châu và 1 chi nhánh của công ty QL Farm ở huyện Tân Biên mở rộng thêm với quy mô 936.919 con gà để CN, huyện Tân Châu phát sinh 01 Doanh nghiệp mới nuôi gà thịt với quy mô 102.000 con*).

Sản lượng thịt gà hơi ước thực hiện 21.321tấn, so với cùng kỳ tăng 5,06% (+1.027 tấn) do những tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh các doanh nghiệp mở rộng qui mô nuôi gà nên xu hướng sản lượng thịt gà hơi tăng. Sản lượng trứng gà sản xuất ước thực hiện đạt 360.930.430 quả, tăng 54,35% (+127.096 nghìn quả) so cùng kỳ, nguyên nhân sản lượng trứng gà tăng do đàn gà đẻ trứng công nghiệp trong kỳ tăng mạnh.

*Tình hình dịch bệnh:* mặc dù không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm và thủy sản, nhưng hiện nay mầm bệnh vẫn còn tồn tại ngoài môi trường, đặc biệt là bệnh lở mồm long móng, cúm gia cầm và bệnh dịch tả heo Châu phi... Ngành nông nghiệp đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh, tăng cường công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, công

tác tiêu độc sát trùng, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và quản lý cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn.

## **1.2 Lâm nghiệp:**

*Phát triển rừng và sử dụng rừng:* các đơn vị chức năng đang tiếp tục rà soát lại quỹ đất và BQL Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng, đến nay đã trồng được 54,6 ha, đạt 24,81% so với kế hoạch năm (220 ha).

*Chăm sóc rừng trồng:* trong tháng các đơn vị bắt đầu triển khai thực hiện kế hoạch chăm sóc rừng trồng với diện tích 552 ha.

*Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên:* Diện tích rừng được đầu tư bảo vệ, toàn tỉnh hiện có 58.171 ha rừng, trong đó rừng tự nhiên 45.386 ha, rừng trồng 12.461 ha, trảng cỏ 324 ha. Toàn bộ diện tích rừng này đều được giao khoán cho các tổ chức, nhóm hộ, hộ gia đình bảo vệ, phòng chống cháy rừng; diện tích khoanh nuôi tái sinh tự nhiên năm 2021 là 1.198 ha rừng, trong đó Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng là 950 ha, Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát là 224 ha, Ban quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen là 4 ha.

*Công tác chống phá rừng, khai thác, vận chuyển mua bán, kinh doanh trái phép lâm sản:* Trong tháng xảy ra 7 vụ vi phạm Luật lâm nghiệp, trong đó 04 vụ tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật, 01 vụ vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm, 01 vụ vi phạm khai thác rừng trái pháp luật, và 01 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng.

*Tình hình khai thác lâm sản:* Sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện trong tháng 4.368 m<sup>3</sup>, lũy kế đến tháng 7 khai thác được 30.563 m<sup>3</sup> gỗ, so với cùng kỳ bằng 91,64% (-2.788m<sup>3</sup>); sản lượng củi khai thác, lũy kế đến tháng 7 khai thác ước đạt 134.564 Ste củi, bằng 95,66% cùng kỳ (-6.111Ste).

## **2. Sản xuất công nghiệp:**

Tháng 7/2021, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước giảm 2,95% so với tháng trước, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh đang diễn biến hết sức phức tạp tại các tỉnh, thành lân cận cũng như trên địa bàn tỉnh. Trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm (-2,93%); Sản xuất và phân phối điện, khí đốt...(-5,06%); Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải...(-0,75%); Riêng ngành khai khoáng tăng (+31,97%) do doanh nghiệp ngành này khai thác theo hạn mức được cấp phép nên tùy thuộc nhu cầu thị trường sẽ cân đối lượng khai thác giữa các tháng trong năm.

Cộng dồn 07 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng (+12,05%)<sup>1</sup> so cùng kỳ. So sánh mức tăng cùng kỳ các năm trước, cao hơn năm 2020, nhưng thấp hơn các năm 2018, 2019. Trong đó, ngành khai khoáng (-13,36%) do chủ trương thắt chặt tình trạng khai thác tài nguyên khoáng sản của UBND tỉnh vẫn còn hiệu lực; công nghiệp chế biến, chế tạo (+12,19%), trong đó: có các ngành tăng cao so cùng kỳ như: dệt (+16,24%), Sản xuất trang phục (+47,74%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+6,73%); Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan

<sup>1</sup> Bảy tháng 2018 (+15,02%), Bảy tháng 2019 (+15,31%), Bảy tháng 2020 (+5,47%).

(+11,87%)... ; sản xuất phân phối điện khí đốt, nước nóng.. tăng (+12,07%); Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng (+4,58%).

### Chỉ số phát triển công nghiệp và một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 7/2021 so với tháng 6/2021	7 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>97,05</b>	<b>112,05</b>
<b>Chia theo ngành cấp 1</b>		
1. Công nghiệp khai khoáng	131,97	86,64
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	97,08	112,19
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	94,94	112,07
4. Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải...	99,25	104,58
<b>Một số ngành công nghiệp chủ yếu</b>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	98,25	82,96
2. Dệt	99,25	116,24
3. Sản xuất trang phục	95,56	147,74
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	97,20	111,87
5. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	95,27	141,16
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	99,14	106,73
8. Sản xuất SP từ khoáng phi kim loại khác	93,05	96,35
9. Sản xuất và phân phối điện	94,94	112,07
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	94,12	110,34

**Sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh 7 tháng**, bên cạnh một số sản phẩm tăng khá, cũng có một số sản phẩm có sản lượng giảm, cụ thể như sau: Đường các loại ước đạt 92.210 tấn giảm sâu(-50,61%); Bột mì 573.843 tấn (-6,31%); xi măng 699.941 tấn (-3,65%); Gạch các loại 396.739 nghìn viên (-0,36%); Clanke Poolan 394.739 tấn (+6,04%); quần áo các loại 130.042 nghìn cái (+135,48%); vỏ, ruột xe các loại 50.321 nghìn cái (+16,14%); điện thương phẩm 3.010 tr.Kwh (+15,29%); điện sản xuất 799 tr.Kw (+14,97%); nước máy sản xuất 6.929 nghìn m<sup>3</sup> (+10,28%); giày các loại 45.371 nghìn đôi (+9,97%).

**Đánh giá chung**, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh 7 tháng đầu năm 2021 ước tăng 12,05%, mặc dù sụt giảm so với tốc độ của 6 tháng (+ 112,63%), nhưng vẫn cao hơn mức tăng của 7 tháng năm 2020 (+ 5,47%), do:

(1) Tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh đang diễn biến hết sức phức tạp, thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên để đảm bảo các đơn hàng xuất khẩu theo hợp đồng, một số doanh nghiệp trong các khu công nghiệp vẫn hoạt động nhưng phải đảm bảo

yêu cầu phòng chống dịch “3 tại chỗ” hoặc phải bố trí xe ô tô đưa rước tập trung, không để công nhân đi xe cá nhân, để đảm bảo an toàn trong phòng chống dịch vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh của đơn vị.

(2) Dịch bệnh đã diễn ra trong một thời gian khá dài nên được xem như là một hiện tượng tự nhiên cùng tồn tại với hoạt động kinh tế, việc thực hiện mục tiêu kép đang được áp dụng không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới để kích thích nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng trở lại;

(3) Một số doanh nghiệp mới đi vào hoạt động cuối năm 2020 tại các khu công nghiệp cũng đã góp phần làm cho tình hình sản xuất công nghiệp của tỉnh tăng khá mạnh.

(4) Dịch bệnh tuy ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nhưng cũng tạo điều kiện cho cho hoạt động sản xuất của nhiều công ty có mức tăng trưởng khá cao (CTy TNHH Phú Lực, CTy TNHH Quốc tế Bestbase...)

### **3. Vốn đầu tư phát triển:**

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước địa phương ước tháng 7/2021 đạt 195,7 tỷ đồng, giảm 48,74% so tháng trước. Bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 154,5 tỷ đồng (-47,98%); ngân sách cấp huyện đạt 41,19 tỷ đồng (-51,11%) so với tháng trước. Do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, giá cả một số vật liệu xây dựng tăng đột biến gây ảnh hưởng đến công tác đấu thầu cũng như tiến độ thi công, giải ngân của các dự án. Tuy vậy, một số dự án vẫn đảm bảo tiến độ thi công cũng như đảm bảo an toàn về phòng chống dịch bệnh cho nhân công, cụ thể như:

Dự án nâng cấp, mở rộng ĐT.782-ĐT.784 (đoạn từ tuyến tránh QL 22 đến ngã tư Tân Bình) 20 tỷ, tăng 44,22%; Đường Đất Sét – Bến Củi 15 tỷ, tăng 149,63%; Dự án phát triển các đô thị hành lang tiêu vùng sông MeKong mở rộng tại Mộc Bài tỉnh Tây Ninh 21,4 tỷ tăng 8,3%; Tưới tiêu cho khu vực phía tây Sông Vàm Cỏ Đông 19,6 tỷ tăng 54,13% so với tháng trước. Bên cạnh đó cũng có một số dự án trong tháng triển khai thực hiện còn chậm như: nâng cấp mở rộng ĐT.793-ĐT.792 (đoạn từ ngã tư Tân Bình đến cửa khẩu Chàng Riệc) 5 tỷ đồng giảm (-77,87%); hệ thống thoát nước khu vực TP. Tây Ninh – Hòa Thành 2,3 tỷ đồng giảm (-62,03%); Tiểu dự án đầu tư xây dựng công trình đường ĐT.781 đoạn Phước Tân – Châu Thành thuộc dự án đường ra cửa khẩu Biên Mậu 5 tỷ đồng giảm (-68,72%); hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày (giai đoạn 1) 3,1 tỷ giảm (-3,13%)...so với tháng trước.

Cộng dồn 7 tháng, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 1.922 tỷ đồng, đạt 48,33% kế hoạch năm, và giảm 9,6% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 1.565 tỷ đồng, đạt 48,8% kế hoạch, giảm (-0,17%); vốn ngân sách cấp huyện đạt 357,53 tỷ đồng, bằng 46,39% kế hoạch và giảm (-35,6%) so cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách cấp xã đến nay vẫn chưa triển khai.

#### 4. Giao thông vận tải:

Tháng 7/2021, hoạt động vận tải chịu ảnh hưởng nặng nề khi các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ, trong đó ảnh hưởng nặng nhất đối với hoạt động vận tải hành khách; Vận tải hàng hóa có một số ít hoạt động (*nếu đủ điều kiện phòng chống dịch*) để đảm bảo lưu thông hàng hóa cho sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh cũng như trên phạm vi cả nước, kết quả cụ thể như sau:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng ước đạt 157,6 tỷ đồng, giảm 12,94% so tháng trước và giảm 43,26% so với tháng cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 14,2 tỷ đồng, giảm 43,74%; vận tải hàng hóa đạt 126,76 tỷ đồng, giảm 7,35% so tháng trước. Cộng dồn 7 tháng doanh thu đạt 1.534 tỷ đồng, so cùng kỳ giảm (-2,19%), trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 407,28 tỷ đồng giảm (-12,27%), doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.089 tỷ đồng tăng 1,49% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 37,91 tỷ đồng tăng 21,36% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Khối lượng vận tải hành khách tháng 7/2021 ước đạt 318 nghìn lượt khách, giảm 41,6 % và luân chuyển đạt 24.178 nghìn lượt khách.km, giảm 43,07% so tháng trước. Cộng dồn 7 tháng ước đạt 8.165 nghìn lượt khách, giảm 17,84% và luân chuyển 629.472 nghìn lượt khách.km, giảm 13,56% so cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa tháng 7/2021 ước đạt 977 nghìn tấn, giảm 7,87% và luân chuyển được 74.390 nghìn tấn.km, giảm 7,36% so tháng trước. Cộng dồn 7 tháng ước đạt 8.440 nghìn tấn, tăng 0,49% và luân chuyển 632.290 nghìn tấn.km, cũng giảm 1,12% so cùng kỳ. Vận tải hàng hóa của tỉnh hoàn toàn do khu vực ngoài nhà nước đảm nhận và chủ yếu tập trung ở vận tải đường bộ với khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 8.398 nghìn tấn, tăng 0,64%, luân chuyển 630.048 nghìn tấn.km, giảm 0,09% so cùng kỳ; Vận tải hàng hóa đường sông trên địa bàn tỉnh 07 tháng đạt 43 nghìn tấn giảm 23,03% và luân chuyển đạt 2.242 nghìn tấn.km cũng giảm 28,53% so cùng kỳ năm trước.

#### 5. Thương mại hàng hoá, dịch vụ :

Trên địa bàn tỉnh, thực hiện việc giãn cách xã hội kể từ ngày 18/7 theo chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ các hoạt động thương mại hàng hoá, dịch vụ trong tháng đều bị ảnh hưởng, nhất là các ngành du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí, lưu trú, ăn uống và bị ảnh hưởng nặng nề nhất, cụ thể như sau:

##### a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 7 ước đạt 4.938,3 tỷ đồng, giảm 5,16% so với tháng trước, giảm 10,06% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó nhóm hàng lương thực thực phẩm chiếm tỉ trọng cao nhất (*chiếm tỷ trọng 37-40% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa*) giảm 2,36% so tháng trước; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng (*chiếm tỷ trọng 10-12%*) giảm 4,83%; nhóm bán lẻ xăng dầu các loại (*chiếm tỷ trọng 12-13%*) giảm 8,89%. Nhìn chung, so với tháng trước và so với tháng cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ hàng hóa của hầu hết các nhóm ngành hàng đều giảm do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, sản xuất kinh doanh gặp không ít những khó khăn, việc làm và thu nhập giảm, đã làm cho người tiêu dùng hạn

chế chi tiêu ở hầu hết các nhóm hàng, ngay cả nhóm hàng lương thực thực phẩm cũng được người tiêu dùng cắt giảm và cân nhắc trong quyết định chi tiêu.

Cộng dồn 7 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 38.637,7 tỷ đồng, tăng 9,05% so cùng kỳ, trừ hàng lương thực thực phẩm và nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm, tất cả các nhóm ngành hàng đều có tốc độ tăng trên 10%, nhóm hàng lương thực thực phẩm chiếm tỷ lệ cao nhất trong doanh thu bán lẻ hàng hóa (*chiếm 36%*) tăng 5,45%; tiếp đến, nhóm xăng dầu các loại (*chiếm 13%*) tăng 10,99% (*cùng kỳ xăng, dầu rớt giá sâu do các hoạt động sản xuất kinh doanh ngưng trệ vì dịch bệnh*); nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm (*chiếm 13%*) tăng 6,01%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng (*chiếm 11%*) tăng 10,14%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (*chiếm 7%*) tăng 14,25%; các nhóm còn lại đều có mức tăng cao hơn mức tăng bình quân chung.

*b) Doanh thu bán buôn:*

Doanh thu bán buôn tháng 7 ước đạt 4.967,4 tỷ đồng, giảm 2,9% so với tháng trước, và giảm 5,9% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong số các nhóm ngành hàng, nhóm bán buôn hàng hóa khác chiếm tỉ trọng cao nhất (*chiếm tỷ trọng 58-62% trong tổng doanh thu bán buôn*) giảm 2,4% so tháng trước; nhóm bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu (*chiếm tỷ trọng 8-10%*) giảm 1,5%; nhóm bán buôn hàng lương thực thực phẩm (*chiếm tỷ trọng 15-18%*) giảm 2,4% so tháng trước. Như vậy, bên cạnh doanh thu xuất khẩu giảm thì nhu cầu tiêu dùng giảm do ảnh hưởng của dịch Covid 19 cũng là yếu tố tác động làm cho doanh thu bán buôn (đồng hành cùng doanh thu bán lẻ) trên địa bàn tỉnh giảm so với tháng trước cũng như so với tháng cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn 7 tháng, doanh thu bán buôn hàng hóa ước đạt 37.426,2 tỷ đồng, tăng 10,76% so cùng kỳ, Một số nhóm ngành hàng có tốc độ tăng cao (*trên 10%*), như nhóm bán buôn hàng hóa khác chiếm tỉ trọng cao nhất (*chiếm tỷ trọng 61,4% tổng doanh thu bán buôn*) tăng 13,1%; tiếp đến, nhóm gỗ và vật liệu xây dựng (*chiếm tỷ trọng 4,2%*) tăng 11,5%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (*chiếm tỷ trọng 1,8%*) tăng 12,6%...

*b) Hoạt động lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác:*

Doanh thu lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành, và dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh tháng 07/2021 ước đạt 956,5 tỷ đồng, giảm 26,02% so tháng trước, trong đó: doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú ước đạt 3,5 tỷ đồng, giảm 48,78%; hoạt động dịch vụ ăn uống đạt 583 tỷ đồng, giảm 16,81%; hoạt động dịch vụ khác (*trong đó có hoạt động xổ số tháng này có 03 kỳ không phát hành*) đạt 370,17 tỷ đồng, giảm 36,75% so với tháng trước. Riêng hoạt động dịch vụ lữ hành, liên tục các tháng gần đây không hoạt động;

Luỹ kế 7 tháng đầu năm, doanh thu hoạt động lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác đạt 9.486 tỷ đồng tăng 4,43 % so với cùng kỳ, trong đó doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú ước đạt 73,56 tỷ đồng, giảm (-20,64%); hoạt động dịch vụ ăn uống đạt 5.263 tỷ đồng, tăng 6,34%; hoạt động dịch vụ lữ hành đạt 2,8 tỷ đồng, giảm nhiều nhất (-45,67%); hoạt động dịch vụ khác đạt 4.146 tỷ đồng, tăng 2,73%.



Các ngành lưu trú, du lịch lữ hành giảm nhiều là do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và việc thực hiện Chỉ thị 16 của Thủ tướng về giãn cách xã hội, theo đó trong thời gian giãn cách nhiều nhà hàng, quán ăn đóng cửa hoặc không bán hàng ăn uống tại chỗ, đồng thời người dân bị hạn chế đi lại, các khu vui chơi giải trí, khu du lịch bị tạm dừng hoạt động nên ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của các cơ sở lưu trú, du lịch lữ hành...

## **6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 năm 2021 tăng 0,81% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng chính có 4 nhóm tăng giá so với tháng trước, các nhóm còn lại giữ mức giá ổn định.

Trong 4 nhóm tăng so với tháng trước, nhóm giao thông có mức tăng so với tháng trước cao nhất (tăng 2,39%) do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng; Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 1,26% do giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng, bên cạnh đó chỉ số giá nhóm gas cũng tăng 8,37%; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,92% chủ yếu do nhóm lương thực, thực phẩm tăng; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,03% chủ yếu do giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng đầu năm 2021 tăng 1,99% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể một số nhóm hàng có biến động như sau:

*Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+3,07%):* Trong đó lương thực (+2,47%), chủ yếu là do giá gạo tăng 2,54% do tình hình dịch Covid 19 diễn biến rất phức tạp ở nhiều nước trên thế giới, nhu cầu mua gạo dự trữ của nhiều quốc gia tăng cao làm cho giá gạo tăng 2,47% so với cùng kỳ năm trước; Thực phẩm (+2,63%), do ảnh hưởng dịch Covid 19 thực hiện việc giãn cách xã hội theo, người dân có tâm lý tích trữ nhưng nhìn chung giá cả đa phần là ổn định, không có hiện tượng tăng giá đột biến, cụ thể : nhóm thịt gia súc tăng 0,37%; thịt gia cầm tăng 0,68%; trứng các loại tăng 4,24%; thịt chế biến tăng 12,71%; thủy sản tươi sống tăng 9,15%; thủy sản chế biến tăng 2,75%; rau tươi, khô và chế biến tăng 5,08%.

*May mặc, mũ nón, giày dép (+4,43%):* nhóm này tăng chủ yếu là các mặt hàng vải các loại tăng 14,46%; quần áo may sẵn tăng 5,47%, dịch vụ may mặc tăng 3,89% nguyên nhân do nguyên liệu đầu vào tăng vì ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên các khâu trong hoạt động logistic hàng hoá xuất nhập khẩu gặp khó khăn, chi phí dịch vụ vận chuyển (cước tàu biển) tăng mạnh, chi phí lưu kho cũng tăng cao.

*Nhà ở, điện nước chất đốt và VLXD (-1,45%):* do nhóm điện sinh hoạt giảm đến 14,96% do thực hiện theo Nghị quyết 180/NQ-CP ngày 17/12/2020 về phương án hỗ trợ tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện trên toàn quốc bị ảnh hưởng của dịch Covid 19. Tuy nhiên, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 7 tháng năm 2021 tăng 4,43% so với bình quân cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào.

*Giao thông (+6,0%):* Do ảnh hưởng của giá xăng dầu trên thế giới, Liên Bộ Công Thương - Tài chính đã điều chỉnh giá xăng dầu tăng trong quý 1/2021

và quý 2/2021 làm chỉ số nhóm này tăng lên. Giá nhiên liệu gồm xăng, dầu 7 tháng năm 2021 tăng 18,19% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

*Văn hoá Giải trí và du lịch (-3,06%):* Nhóm này chủ yếu ở nhóm thiết bị văn hóa giảm 8,53%. Ảnh hưởng của dịch Covid 19 khiến người dân hạn chế đi lại, giá du lịch trọn gói giảm 11,08% so bình quân cùng kỳ.

*Giá vàng và giá Đô la Mỹ:* Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Giá vàng bình quân 7 tháng năm 2021 tăng đến 15,67% so với cùng kỳ; Chỉ số giá USD giảm 1,03% so với cùng kỳ.

## 7. Thu chi ngân sách:

### a) Thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 7 ước đạt 600 tỷ đồng, lũy kế 7 tháng 6.510 tỷ đồng, đạt 62,01% dự toán, tăng 16,68% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 5.699 tỷ đồng, đạt 60,0% dự toán, tăng 14,06% cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn 7 tháng đầu năm, trong nguồn thu nội địa, nhiều khoản thu tăng khá so với cùng kỳ và đạt khá cao so với dự toán, nhưng cũng có khoản giảm so với cùng kỳ như: thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 1.055 tỷ đồng, đạt 62,06% dự toán, tăng 22,84% so cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp nhà nước 271 tỷ bằng đạt 66,17% dự toán và tăng 36,75% so cùng kỳ; thu từ Doanh nghiệp có vốn ĐTNN 946 tỷ đạt 86,0% dự toán, tăng 51,26%; thuế thu nhập cá nhân 612 tỷ tăng 9,57% và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 811 tỷ bằng 81,07% dự toán năm, và tăng 39,13% so với cùng kỳ so cùng kỳ. Một số khoản đạt thấp so cùng kỳ như thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 1.061 tỷ đồng, giảm (-13,8%), thu tiền sử dụng đất 335 tỷ giảm (-23,46%), thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản 16,2 tỷ giảm (-18,41%) so cùng kỳ.

### Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2021 (tỷ đồng)		% thực hiện 07 tháng năm 2021 so với	
	Dự toán	Ước TH 7 tháng	Dự Toán	Cùng kỳ năm 2020
<b>Tổng thu</b>	<b>10.500</b>	<b>6.510</b>	<b>62,01</b>	<b>116,68</b>
I. Thu nội địa	9.500	5.699	60,00	114,06
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	410	271,2	66,17	136,75
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	1.100	945,9	86,00	151,26
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.700	1.055,1	62,06	122,84
4. Hoạt động xổ số	1.710	1.060,8	62,04	86,20
II. Thu từ hoạt động XNK	1.000	810,7	81,07	139,13

**b) Chi ngân sách:**

Chi ngân sách tháng 7/2021 ước đạt 878 tỷ đồng, lũy kế 07 tháng đầu năm đạt 5.981 tỷ đồng, bằng 51,82% dự toán năm, và tăng 1,89% so cùng kỳ năm trước, chủ yếu là chi thường xuyên với 2.794,9 tỷ đồng bằng 46,52% dự toán năm, và tăng 0,11% so cùng kỳ; Trong đó chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 41% tổng chi thường xuyên), đạt 1.151,9 tỷ đồng bằng 49,75% dự toán, tăng 6,7%; chi sự nghiệp y tế 184,8 tỷ đồng bằng 39,82% dự toán và giảm 2,16%; chi đảm quản lý hành chính 561 tỷ đồng, đạt 50,43% dự toán và bằng (98,05%) cùng kỳ; Riêng khoản chi đầu tư phát triển đạt 2.786,5 tỷ đồng bằng 81,01% dự toán cả năm và tăng 22,78% so với 07 tháng năm 2020.

**Chi ngân sách nhà nước địa phương**

	Năm 2021 (tỷ đồng)		% thực hiện 07 tháng năm 2021 so với	
	Dự toán	Ước TH 7 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2020
<b>Tổng chi</b>	<b>11.542</b>	<b>5.981</b>	<b>51,82</b>	<b>101,89</b>
I. Chi cân đối NSDP	10.317	5.591	54,20	109,97
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	3.439	2.786	81,01	122,78
2. Chi thường xuyên	6.008	2.795	46,52	100,11
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	879,7	284	32,34	87,96
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.315	1.152	49,75	106,70
+ Sự nghiệp y tế	464	185	39,82	97,84
+ Quản lý hành chính	1.112	561	50,43	98,05
II. Chi các chương trình MT nhiệm vụ	1.225	389	31,82	49,58

**7. Hoạt động ngân hàng:**

Trong tháng 7/2021, các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, thực hiện chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 7/2021 ước đạt 50.704 tỷ đồng, tăng 5,5% so đầu năm (cùng kỳ năm trước tăng 1,2%) và tăng 0,9 % so tháng trước; trong đó nguồn vốn huy động trên 12 tháng ước đạt 8.904 tỷ đồng, tăng 6,7% so đầu năm và chiếm 17,6% tổng nguồn vốn huy động.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 7 ước đạt 73.399 tỷ đồng, tăng 7,4% so đầu năm (cùng kỳ năm trước tăng 5,2%) và tăng 1,6 % so tháng trước. Trong đó dư nợ ngắn hạn 49.400 tỷ đồng, tăng 7% so đầu năm, tăng 2% so tháng trước và chiếm 67,3%/ tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung, dài hạn ước đạt 23.999 tỷ đồng, tăng 8,3% so đầu năm, tăng 1% so tháng trước và chiếm

32,7%/tổng dư nợ. Nợ xấu 326 tỷ đồng, chiếm 0,44% tổng dư nợ, tăng so với tỷ lệ 0,32% của đầu năm

Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng ưu đãi ngắn hạn 18.953 tỷ, tăng 2,33% so với tháng trước và tăng 7,48% so với cuối năm 2019, trong đó cho vay nông nghiệp nông thôn 10.206 tỷ, cho vay xuất khẩu 1.979 tỷ và cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ 6.768 tỷ.

## **8. Lĩnh vực văn hoá, xã hội :**

### **a) Lao động, dạy nghề và giải quyết việc làm:**

Trong tháng, thông qua các phiên giao dịch việc làm của tỉnh đã tư vấn việc làm và học nghề cho 2.666 lượt lao động (*Lũy kế 18.584 lượt lao động*); giới thiệu cung ứng lao động trong nước 16 lao động (*Lũy kế 905 lao động*); các tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 28 lao động (*Lũy kế 156 lao động*). Bên cạnh công tác giải quyết việc làm, trong tháng không tổ chức phiên giao dịch việc làm nào, nhưng lũy kế từ đầu năm đã tổ chức 04 phiên giao dịch việc làm với 32 doanh nghiệp và 1.198 lao động tham gia.

Công tác quản lý lao động người nước ngoài: Trong tháng cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho 288 lao động là người nước ngoài, lũy kế từ đầu năm đến tháng 7/2021, đã cấp phép lao động cho 1.635 lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Tính đến nay tỉnh đã có 348 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 3.420 lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh.

Công tác dạy nghề: các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong tháng tuyển sinh được 748 người (*Cao đẳng: 25 người, trung cấp: 456 người, sơ cấp, đào tạo thường xuyên: 267 người*). Số sinh viên, học viên tốt nghiệp 948 người (*Cao đẳng: 172 người, Trung cấp: 419 người, Sơ cấp và đào tạo thường xuyên 357 người*). Lưu lượng hiện đang đào tạo: 5.872 người (*Cao đẳng: 533 người, Trung cấp: 2.482 người, Sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 2.857 người*).

Về đình công, lãn công: : Trong tháng không xảy ra (*Lũy kế từ đầu năm đến nay xảy ra 08 vụ tại 07 công ty, với 8.851 lao động tham gia*).

**Công tác hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP:** Để kịp thời hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, ngày 22/7/2021 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND, để hỗ trợ đối với lao động tự do mất việc làm, không có thu nhập hoặc thu nhập thấp dưới 1 tr.đ/tháng (*khu vực nông thôn*) hoặc dưới 1,3tr.đ/tháng (*khu vực thành thị*), với mức hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người. Việc hỗ trợ được thực hiện bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

### **b) Hoạt động y tế:**

**Phòng chống dịch bệnh Covid-19:** (*Cập nhật đến 15 giờ 00 phút ngày 14/7/2021*): trên địa bàn tỉnh, lũy kế 238 trường hợp nhiễm SARS-COV-2. Trong đó 01 trường hợp chuyển Bệnh viện Nhiệt đới Hồ Chí Minh, đã điều trị khỏi 40 trường hợp, tử vong 01 trường hợp, đang cách ly và điều trị 196 trường hợp (Riêng trong 02 ngày 13-14/7 ghi nhận thêm 42 ca mắc COVID-19).

Hiện trên địa bàn tỉnh còn cách ly tại cơ sở y tế 274 người, cách ly tập trung 3.333 người, ngoài ra cách ly tại nhà nơi lưu trú 3.201 người. Từ khi dịch bệnh xảy ra, trên địa bàn tỉnh đã cách ly tại nhà, nơi lưu trú đã qua 14 ngày là 10.692 người. Tỉnh đã thiết lập 20 vùng phong tỏa, trong đó 03 vùng đã giải phóng và 17 vùng đang phong tỏa (01 Gò Dầu, 09 Trảng Bàng, 02 Dương Minh Châu, 04 Bến Cầu; 01 Hoà Thành).

Trong tháng, số ca mắc mới bệnh tay chân miệng là 8ca giảm 17,5 lần so tháng trước (140ca), nhưng tăng 7 lần so cùng kỳ (01ca). Lũy kế đến nay 490 ca tăng 13,6 lần so với cùng kỳ (36 ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Số ca mắc SD/SXHD: là 390ca tăng 78,9% so với tháng trước (218ca) và tăng 5,7 lần so với cùng kỳ (69ca). Huyện có số ca mắc mới nhiều trong tháng là Dương Minh Châu 42ca; Gò Dầu 36 ca; Tân Biên 124ca; Tân Châu 87ca; Tp. Tây Ninh 25ca; Tx. Hoà Thành 34 ca; Tx Trảng Bàng 20 ca. Tổng số ca cộng dồn đến nay là 1.346 ca giảm 67,19% so với cùng kỳ (392 ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Hoạt động bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm: Thực hiện công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được 73 cơ sở, trong đó đạt 68 cơ sở, (tỷ lệ 93,15%). Số cơ sở vi phạm 05 cơ sở, trong đó: nhắc nhở: 04 cơ sở, xử phạt: 01 cơ sở với số tiền là 17,5 triệu đ. Các nội dung vi phạm chủ yếu Nhân viên trực tiếp chế biến thức ăn không đội mũ, không đeo khẩu trang khi tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm chín, thức ăn ngay. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết hiệu lực.

#### ***c) An toàn giao thông:***

Trong tháng 7/2021 (từ ngày 16/6/2021-15/7/2021) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 02 người và bị thương 07 người<sup>2</sup>. So với tháng cùng kỳ năm 2020 giảm 04 vụ, số người chết lại tăng 01 người và số người bị thương giảm 04 người. Cộng dồn 7 tháng đầu năm 2021 đã xảy ra 50 vụ tai nạn giao thông, làm chết 21 người, và 40 người bị thương, so với cùng kỳ năm trước đều giảm về cả 03 tiêu chí: số vụ giảm (-16 vụ), số người chết giảm (-03 người) và số người bị thương cũng giảm (-10 người). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển vi phạm về nồng độ cồn, chạy quá tốc độ, chuyển hướng thiếu quan sát, đi ngược chiều, vượt đèn đỏ....

#### ***d) Hoạt động văn hoá, thể dục thể thao:***

Trong tháng 7/2021, Ngành văn hóa, thể thao và du lịch tập trung tổ chức tốt các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, về “Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Tây Ninh phấn đấu sớm đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI của Đảng bộ Tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thành hiện thực cuộc sống!”; Toàn dân thực hiện nghiêm về giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTg, và tuân thủ thực hiện khuyến cáo 5K của ngành y tế để công tác phòng chống dịch Covid-19 đạt hiệu quả; kỷ niệm 20 năm Ngày Gia đình

<sup>2</sup> So với tháng 6/2021 số vụ tai nạn giao thông giảm 7 vụ, số người chết giảm 07 người, nhưng số người bị thương cũng giảm 03 người.

Việt Nam 28/6/2001 - 28/6/2021 và “Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình” năm 2021; Ngày Quốc tế phòng, chống ma túy....

Hoạt động thư viện: trong tháng bổ sung 1.125 tờ / 187 loại báo, tạp chí; phục vụ 22.229 lượt bạn đọc và 34.374 lượt tài liệu, cấp mới và gia hạn 29 thẻ. Trưng bày tài liệu tuyên truyền, giới thiệu và phổ biến pháp luật 139 tài liệu. Phối hợp trưng bày, tuyên truyền phục vụ sách chuyên đề Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước 5/6, Ngày Báo chí Việt Nam 21/6 và Ngày gia đình Việt Nam 28/6.

Hoạt động thể dục thể thao: Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, để đảm bảo không chế kịp thời kịp thời dịch bệnh không để lây lan rộng ra cộng đồng, thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg, từ ngày 18/7 tạm dừng tất cả các hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí tại các địa điểm công cộng, các hoạt động hội họp, các sự kiện tập trung đông người..., hạn chế việc di chuyển của người dân.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ tuyên truyền tập trung vào việc hướng người dân tự giác chấp hành các yêu cầu, các biện pháp phòng chống dịch, tự giác tham gia khai báo y tế thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch bảo vệ sức khoẻ cho mình, cho gia đình và cộng đồng...

***e) Thiệt hại do thiên tai:***

Từ ngày 16/06/2021 đến 15/7/2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 07 trận mưa lớn, kèm theo lốc xoáy làm 01 người chết ở huyện Gò Dầu (do tôn rơi trúng) và 02 người bị thương; thiệt hại về vật chất gồm 01 căn nhà bị sập, 136 căn nhà bị ảnh hưởng hư hại, làm 0,7 ha hoa màu bị thiệt hại, ngoài ra còn làm 01 VP áp, 01 nhà lưới trồng lan, 04 lò sấy bị tốc mái, 13 điểm gác tuần tra biên giới, 0,5ha cây ăn quả bị bật gốc, 25 trụ điện; 01 trụ viễn thông Viette, 01 đường dây điện trung thế bị đứt, 3,5ha cây CN lâu năm bị đổ ngã, ước tính tổng giá trị thiệt hại 3.831 triệu đồng, chính quyền địa phương huy động lực lượng dân quân xã đến giúp đỡ khắc phục kịp thời.

***f) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:***

Tháng 07/2021 (tính từ ngày 16/06/2021 đến 15/07/2021), đã xảy ra 1 vụ cháy nhà dân ở huyện Bến Cầu và 01 vụ cháy trạm Inverter của Công ty năng lượng mặt trời, huyện Bến Cầu, không gây thiệt hại về người. Ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 3.032 triệu đồng. Nguyên nhân do sự cố chập điện 01 vụ, đang điều tra làm rõ 01 vụ; Lũy kế từ đầu năm xảy ra 13 vụ cháy và ước tổng thiệt hại lũy kế 4.342tr.đ so với cùng kỳ năm trước số vụ cháy tăng (+02 vụ), số người bị chết và số người bị thương do cháy không xảy ra, Giá trị thiệt hại ước tăng khoảng +3.032 tr.đồng. Trong tháng không xảy ra vụ nổ nào.

Vi phạm về môi trường: Trong tháng ngành chức năng phát hiện 01 vụ vi phạm môi trường xảy ra trên địa bàn huyện Bến Cầu, số tiền xử phạt 468 triệu đồng, nguyên nhân là do doanh nghiệp xả nước thải, khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

**Tóm lại:**

*Kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh tháng 7/2021, các lĩnh vực đều gặp nhiều khó khăn, do là tháng cao điểm phải triệt để thực hiện cách li, giãn cách xã hội khoảng hơn 02 tuần lễ, nhằm ngăn chặn, phòng tránh lây lan dịch bệnh Covid-19 trong cộng đồng, theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.*

*Hầu hết các ngành công nghiệp và các hoạt động thương mại, dịch vụ vận tải đều bị ảnh hưởng, nhịp độ tăng chậm lại hoặc giảm sút so tháng trước, chủ yếu là do các đơn vị ngưng hoạt động hoặc cắt giảm lao động, thiếu nguồn cung nguyên liệu, đầu ra ảnh hưởng... Sản xuất nông nghiệp, tiến độ xuống giống cây hàng năm xấp xỉ cùng kỳ, riêng cây mía diện tích gieo trồng vẫn giảm do hiệu quả cây trồng này thấp.*

*Thu ngân sách trên địa bàn đạt khá so với dự toán, và so với cùng kỳ, chi ngân sách, chi thường xuyên xấp xỉ cùng kỳ nhưng chi cho đầu tư phát triển tăng khá cao; hoạt động ngân hàng tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng; Các hoạt động văn hóa, xã hội, tập trung vào việc tuyên truyền người dân ý thức việc giãn cách xã hội, và tuân thủ nghiêm khuyến cáo “5K” của ngành y tế nhằm phòng tránh lây lan dịch bệnh, quan tâm hơn chăm lo cho các đối tượng chính sách, các đối tượng gặp khó khăn trong những ngày giãn cách xã hội chu đáo, kịp thời; An ninh quốc phòng được đảm bảo./.*

**Nơi nhận:**

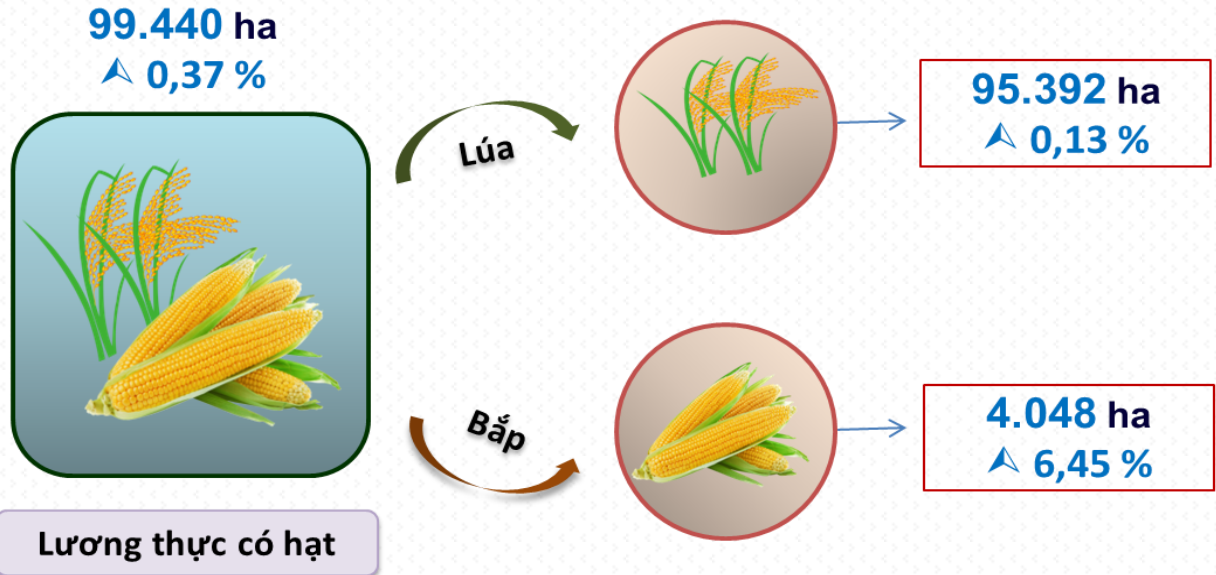
- Tổng cục Thống kê;
- (Vụ Thống kê Tổng hợp)
- VP. Tỉnh Ủy; VP UBND tỉnh;
- VP. Đoàn đại biểu QH và HĐND;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện/thị xã/TP;
- CTK các tỉnh vùng KT trọng điểm PN;
- Chi cục TK các huyện/TX/TP;
- BLĐ CTK;
- Lưu VT; TH.

**CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Đình Bửu Quang**

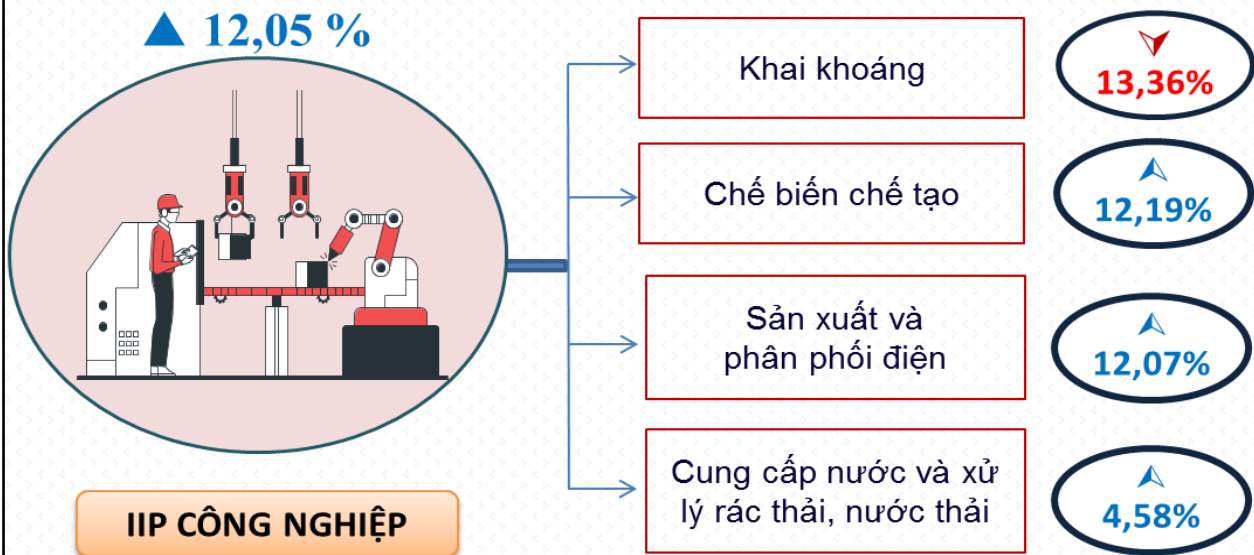
# KINH TẾ - XÃ HỘI

Tháng 07 năm 2021

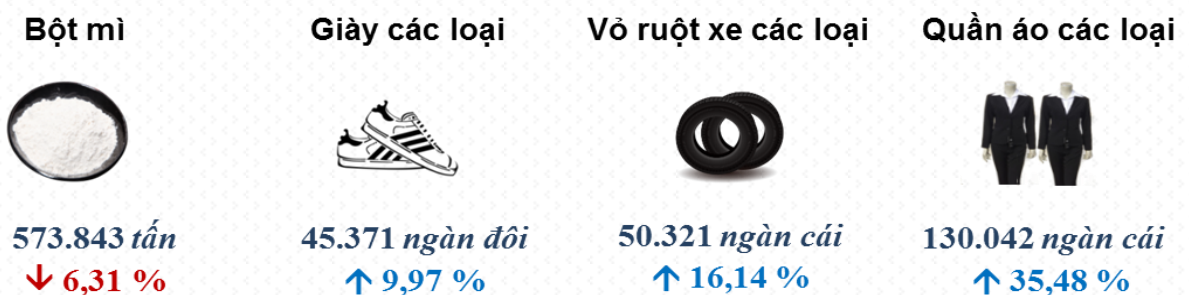
## DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG



## CÔNG NGHIỆP







### Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu





## THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TỔNG SỐ (Tỷ đồng)	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Du lịch lữ hành và dịch vụ khác
			
<b>48.124</b> ▲ 8,11 %	<b>38.638</b> ▲ 9,05 %	<b>5.337</b> ▲ 5,84 %	<b>4.149</b> ▲ 2,66 %

## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

**+3,26%**

CPI tháng 7  
so với cùng kỳ

**+2,47%**

CPI tháng 7  
so với tháng 12  
năm trước

**+0,81%**

CPI tháng 7  
so với tháng trước

**+1,99%**

CPI bình quân 7 tháng  
so với cùng kỳ



## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng báo cáo

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
			<i>Ha</i>
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm</b>	<b>122.440</b>	<b>121.581</b>	<b>99,30</b>
<b>Lúa</b>	<b>95.272</b>	<b>95.393</b>	<b>100,13</b>
Lúa đông xuân	46.121	46.378	100,56
Lúa hè thu	49.151	49.015	99,72
Lúa mùa			
<b>Các loại cây khác</b>	<b>27.168</b>	<b>26.188</b>	<b>96,39</b>
Ngô	3.803	4.048	106,45
Khoai lang	49	22	44,90
Lạc (đậu phộng)	3.356	3.258	97,08
Thuốc lá	879	958	108,94
Rau, đậu, hoa, cây cảnh	19.081	17.902	93,82
<b>Diện tích cây trồng trong vụ thu hoạch năm sau</b>	<b>52.977</b>	<b>48.120</b>	<b>90,83</b>
Sắn/Khoai mì	51.583	47.087	91,28
Mía	1.394	1.033	74,10
<b>Diện tích thu hoạch cây trồng Vụ Hè thu</b>	<b>5.005</b>	<b>4.661</b>	<b>93,12</b>
Lúa	1.969	2.209	112,17
Ngô	294	140	47,63
Khoai lang	1	-	-
Lạc (đậu phộng)	151	116	77,21
Thuốc lá	-	-	-
Rau, đậu, hoa, cây cảnh	2.591	2.196	84,76

## 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	Thực hiện từ đầu năm 2021 đến tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 2021 so với tháng 6 2021	Ước tính tháng 7 2021 so với Tháng 7 2020	% Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2020
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>113,38</b>	<b>97,05</b>	<b>104,89</b>	<b>112,05</b>
<b>Khai khoáng</b>	<b>85,34</b>	<b>131,97</b>	<b>94,44</b>	<b>86,64</b>
Khai thác than cứng và than non				
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên				
Khai thác quặng kim loại				
Khai khoáng khác	85,34	131,97	94,44	86,64
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng				
<b>Công nghiệp chế biến , chế tạo</b>	<b>113,63</b>	<b>97,08</b>	<b>104,50</b>	<b>112,19</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	85,33	98,25	67,19	82,96
Sản xuất đồ uống				
Sản xuất sản phẩm thuốc lá				
Dệt	116,71	99,25	113,74	116,24
Sản xuất trang phục	147,06	95,56	151,53	147,74
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	114,42	97,20	99,19	111,87
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế);	100,16	100,05	92,08	98,82
sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện				
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	145,84	95,27	118,10	141,16
In, sao chép bản ghi các loại	143,54	42,77	91,74	135,68
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế				
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	104,13	102,76	107,08	104,58
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	68,25	87,42	161,18	77,62
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	107,71	99,14	101,12	106,73
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	96,57	93,05	95,05	96,35
Sản xuất kim loại	149,39	93,72	135,43	147,1
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	133,79	92,82	101,38	127,6
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	122,33	70,83	94,67	119,89
Sản xuất thiết bị điện				
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	72,55	101,13	60,59	70,46
Sản xuất xe có động cơ				
Sản xuất phương tiện vận tải khác				
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	55,72	73,08	51,07	55,11
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	143,48	88,18	104,74	135,41
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị				
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>112,41</b>	<b>94,94</b>	<b>109,92</b>	<b>112,07</b>
<b>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>102,05</b>	<b>99,25</b>	<b>120,58</b>	<b>104,58</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	107,89	94,12	127,38	110,34
Thoát nước và xử lý nước thải	128,27	98,75	135,42	129,43
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	84,62	101,97	106,27	87,3
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác				

### 3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 2021	Ước tính tháng 7 2021	Cộng dồn thực hiện đến cuối tháng 7 2021	Tháng 7 2021 so với tháng 7 năm 2020 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tên sản phẩm</b>						
Bột mì	Tấn	70.228	70.314	573.843	97,61	93,69
Đường các loại	Tấn	-	-	92.210	-	49,39
Giày các loại	1000 đôi	6.552	6.434	45.371	97,93	109,97
Quần áo các loại	1000 cái	20.307	18.961	130.042	123,73	135,48
Võ, ruột xe các loại	1000 cái	7.807	7.470	50.321	105,26	116,14
Gạch các loại	1000 viên	57.683	56.450	396.739	96,84	99,64
Clanke Poolan	Tấn	54.992	56.000	394.739	99,45	106,04
Xi măng	Tấn	105.321	98.000	699.941	95,05	96,35
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	472	436	3.010	116,54	115,29
Điện sản xuất	Triệu Kwh	110	107	799	112,96	114,97
Nước máy sản xuất	1000 M <sup>3</sup>	1.087	1.027	6.929	126,48	110,28
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	Triệu Đồng	5.363	5.370	37.356	102,29	96,46

#### 4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 6 2021	Ước tính tháng 7 2021	Cộng dồn thực hiện đến cuối tháng 7 2021	Cộng dồn từ đầu năm tháng 7 2021 so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>381.812</b>	<b>195.703</b>	<b>1.922.651</b>	<b>48,33</b>	<b>90,40</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>297.039</b>	<b>154.508</b>	<b>1.565.118</b>	<b>48,80</b>	<b>99,83</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	101.524	42.280	469.823	48,99	163,83
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>43.220</i>	<i>17.583</i>	<i>242.450</i>	<i>52,74</i>	<i>277,55</i>
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	22.079	10.378	90.708	69,07	37,22
Vốn nước ngoài (ODA)	7.201	4.271	107.895	26,52	92,27
Xổ số kiến thiết	166.235	97.579	896.692	52,44	97,42
Vốn khác					
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>84.773</b>	<b>41.195</b>	<b>357.533</b>	<b>46,39</b>	<b>64,14</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	77.701	34.623	326.566	45,50	159,47
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>50.500</i>	<i>17.836</i>	<i>236.958</i>	<i>45,02</i>	<i>211,14</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	7.072	6.572	30.967	58,43	8,78
Vốn khác					
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>					
Vốn cân đối ngân sách xã					
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>					
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu					
Vốn khác					

## 5. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 6 2021	Ước tính tháng 7 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 2021	Tháng 7 2021 so với tháng 7 năm 2020 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.207.005</b>	<b>4.938.296</b>	<b>38.637.709</b>	<b>89,94</b>	<b>109,05</b>
Lương thực, thực phẩm	1.897.654	1.852.922	13.930.650	92,66	105,45
Hàng may mặc	287.712	265.388	2.138.516	88,44	112,69
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	359.366	341.624	2.847.142	88,83	114,25
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	49.714	46.166	393.255	83,1	116,96
Gỗ và vật liệu xây dựng	579.832	551.819	4.271.517	87,84	110,14
Ô tô các loại	35.574	32.715	215.484	114,84	139,96
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	261.134	247.457	1.911.081	96,66	116,33
Xăng, dầu các loại	679.849	619.423	5.094.896	87,56	110,99
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	122.382	118.215	902.737	100,66	114,71
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	695.235	635.821	5.171.777	83,39	106,01
Hàng hóa khác	133.918	126.017	1.001.405	90,07	112,03
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	104.634	100.729	759.248	91,03	113,17

## 6. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 6 2021	Ước tính tháng 7 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 2021	Tháng 7 2021 so với tháng 7 năm 2020 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.292.785</b>	<b>956.455</b>	<b>9.485.860</b>	<b>62,05</b>	<b>104,43</b>
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>707.546</b>	<b>586.284</b>	<b>5.336.767</b>	<b>68,22</b>	<b>105,84</b>
Dịch vụ lưu trú	7.068	3.549	73.568	20,84	79,36
Dịch vụ ăn uống	700.478	582.735	5.263.199	69,18	106,34
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.873</b>	<b>-</b>	<b>54,33</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>585.239</b>	<b>370.170</b>	<b>4.146.220</b>	<b>54,36</b>	<b>102,73</b>

## 7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 7/2021 so với:				%
	Chỉ số giá tháng 7/2021 so với:				Chỉ số giá bình quân 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>105,11</b>	<b>103,26</b>	<b>102,47</b>	<b>100,81</b>	<b>101,99</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,58	102,71	101,42	100,92	103,07
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	108,07	101,85	101,74	100,51	102,47
Thực phẩm	109,72	101,48	100,23	101,40	102,63
Ăn uống ngoài gia đình	114,06	106,14	104,11	100,02	104,56
Đồ uống và thuốc lá	102,66	100,90	100,45	100,00	100,90
May mặc, mũ nón và giày dép	108,36	104,63	102,63	100,00	104,43
Nhà ở và vật liệu xây dựng	100,24	102,41	103,33	101,26	98,55
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,90	101,28	100,49	100,00	101,40
Thuốc và dịch vụ y tế	101,14	100,02	100,00	100,00	100,03
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	101,48	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	101,99	112,98	110,79	102,39	106,00
Bưu chính viễn thông	100,12	100,01	100,00	100,00	100,02
Giáo dục	102,63	101,29	100,00	100,00	101,29
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	102,60	101,28	100,00	100,00	101,28
Văn hoá, giải trí và du lịch	98,79	98,69	100,19	100,00	96,94
Hàng hóa và dịch vụ khác	103,64	101,59	100,82	100,03	102,00
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>135,04</b>	<b>105,50</b>	<b>98,06</b>	<b>97,39</b>	<b>115,67</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>99,02</b>	<b>99,11</b>	<b>99,35</b>	<b>100,01</b>	<b>98,97</b>



## 8. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	<i>Triệu đồng</i>				
	Ước tính tháng 7 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 2021	Tháng 7/2021 so với tháng 6/2021 (%)	Tháng 7/2021 so với tháng 7/2020 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>143.604</b>	<b>1.533.811</b>	<b>87,06</b>	<b>56,74</b>	<b>97,81</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>14.206</b>	<b>407.280</b>	<b>56,26</b>	<b>18,47</b>	<b>87,73</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	41	743	64,09	31,53	70,09
Đường bộ	14.164	406.537	56,24	18,45	87,77
Hàng không					
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>126.766</b>	<b>1.088.622</b>	<b>92,65</b>	<b>73,67</b>	<b>101,49</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	34	612	66,93	33,43	81,09
Đường bộ	126.732	1.088.010	92,66	73,69	101,51
Hàng không					
<b>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>2.632</b>	<b>37.910</b>	<b>91,83</b>	<b>63,67</b>	<b>121,36</b>

## 9. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 7 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 2021	Tháng 7/2021 so với tháng 6/2021 (%)	Tháng 7/2021 so với tháng 7/2020 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>318</b>	<b>8.165</b>	<b>58,40</b>	<b>20,11</b>	<b>83,16</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	6	125	56,58	30,86	71,98
Đường bộ	312	8.039	58,44	19,96	83,36
Hàng không					
<b>II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)</b>	<b>24.178</b>	<b>629.472</b>	<b>56,93</b>	<b>20,72</b>	<b>86,44</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	5	100	60,36	29,18	66,23
Đường bộ	24.173	629.372	56,93	20,72	86,44
Hàng không					
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>977</b>	<b>8.440</b>	<b>92,13</b>	<b>73,70</b>	<b>100,49</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	2	43	65,14	32,08	76,97
Đường bộ	975	8.398	92,22	73,93	100,64
Hàng không					
<b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>	<b>74.390</b>	<b>632.290</b>	<b>92,64</b>	<b>73,42</b>	<b>98,88</b>
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa	70	2.242	58,94	17,88	71,47
Đường bộ	74.320	630.048	92,69	73,63	99,01
Hàng không					

**10. Trật tự, an toàn xã hội**

	Sơ bộ tháng 7 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 2021	Tháng 7/2021 so với tháng 6/2021 (%)	Tháng 7/2021 so với tháng 7/2020 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	8	50	53,33	66,67	75,76
Đường bộ	8	50	53,33	66,67	75,76
Đường sắt					
Đường thủy					
Số người chết (Người)	2	21	22,22	200,00	87,50
Đường bộ	2	21	22,22	200,00	87,50
Đường sắt					
Đường thủy					
Số người bị thương (Người)	7	40	70,00	63,64	80,00
Đường bộ	7	40	70,00	63,64	80,00
Đường sắt					
Đường thủy					
<b>Cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	2	14	100,00	-	70,00
Số người chết (Người)	0	0	-	-	-
Số người bị thương (Người)	0	1	-	-	100,00
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	3.032	4.342	18.375,76	-	99,84

## 11. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	Dự toán năm 2021	Ước tháng 7/2021 (Triệu đồng)	Cộng dồn 7 tháng năm 2021 (Triệu đồng)	Ước thực hiện 7 tháng đầu năm 2021 so với	
				Dự toán (%)	Cùng kỳ năm trước (%)
<b>A TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)</b>	<b>10.500.000</b>	<b>600.000</b>	<b>6.510.627</b>	<b>62,01</b>	<b>116,68</b>
<b>I Thu nội địa</b>	<b>9.500.000</b>	<b>530.000</b>	<b>5.699.898</b>	<b>60,00</b>	<b>114,06</b>
1 Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	410.000	24.000	271.297	66,17	136,75
1.1 Thu từ DNNN trung ương	340.000	20.000	218.938	64,39	132,51
1.2 Thu từ DNNN địa phương	70.000	4.000	52.359	74,80	157,83
2 Thu từ DN có vốn ĐTNN	1.100.000	70.000	945.945	86,00	151,26
3 Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.700.000	90.000	1.055.054	62,06	122,84
4 Lệ phí trước bạ	420.000	35.000	255.119	60,74	134,42
5 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	700	6.873	62,48	130,47
6 Thuế thu nhập cá nhân	850.000	70.000	612.154	72,02	109,57
7 Thuế bảo vệ môi trường	645.000	50.000	367.481	56,97	102,41
8 Thu phí, lệ phí	522.000	35.000	268.058	51,35	111,57
9 Thu tiền sử dụng đất	859.600	40.000	312.578	36,36	76,54
10 Thu tiền thuê đất	1.042.400	5.000	335.414	32,18	224,06
11 Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	27.000	2.000	16.282	60,30	81,59
12 Thu khác ngân sách	200.000	18.100	189.654	94,83	125,72
13 Các khoản thu tại xã	2.000	200	1.183	59,15	131,44
14 Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	1.000	-	1.921	192,10	172,44
15 Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.710.000	90.000	1.060.885	62,04	86,20
<b>II Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>1.000.000</b>	<b>70.000</b>	<b>810.729</b>	<b>81,07</b>	<b>139,13</b>

## 12. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	Dự toán năm 2021	Ước tháng 7/2021 (Triệu đồng)	Cộng dồn 7 tháng năm 2021 (Triệu đồng)	Ước thực hiện 7 tháng đầu năm 2021 so với	
				Dự toán (%)	Cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG CHI (A+B)</b>	<b>11.542.193</b>	<b>877.527</b>	<b>5.981.371</b>	<b>51,82</b>	<b>101,89</b>
<b>A CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>10.317.588</b>	<b>775.855</b>	<b>5.591.692</b>	<b>54,20</b>	<b>109,97</b>
<b>I Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.439.850</b>	<b>271.815</b>	<b>2.786.514</b>	<b>81,01</b>	<b>122,78</b>
1 Chi đầu tư cho các dự án Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	3.257.930	271.815	2.736.723	84,00	122,14
2 Chi đầu tư cho các dự án Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	181.920	-	49.791	27,37	172,52
<b>II Chi thường xuyên</b>	<b>6.008.148</b>	<b>504.040</b>	<b>2.794.901</b>	<b>46,52</b>	<b>100,11</b>
1 Chi sự nghiệp kinh tế	878.795	65.140	284.201	32,34	87,96
2 Sự nghiệp môi trường	131.770	19.600	37.821	28,70	79,55
3 Chi SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.315.300	192.940	1.151.966	49,75	106,70
4 Chi sự nghiệp Y tế	464.190	38.680	184.832	39,82	97,84
5 Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	110.880	9.240	49.059	44,25	113,60
6 Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	60.000	5.000	13.484	22,47	102,15
7 Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.900	2.820	11.550	34,07	137,64
8 Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	42.140	3.510	10.764	25,54	139,33
9 Chi đảm bảo xã hội	346.350	28.870	228.133	65,87	83,15
10 Chi quản lý hành chính	1.112.490	102.210	561.039	50,43	98,05
11 Chi An ninh quốc phòng	355.550	29.630	249.852	70,27	122,19
12 Chi khác ngân sách	156.783	6.400	12.198	7,78	41,78
<b>III Chi trả nợ lãi do các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>1.450</b>		<b>279</b>	<b>19,25</b>	<b>68,04</b>
<b>IV Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương</b>	<b>1.000</b>				
<b>V Dự phòng ngân sách</b>	<b>205.900</b>				
<b>VI Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>661.240</b>				
<b>VII Chi trả nợ gốc</b>			<b>9.998</b>		<b>132,49</b>
<b>B CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ</b>	<b>1.224.605</b>	<b>101.672</b>	<b>389.678</b>	<b>31,82</b>	<b>49,58</b>